

BẠCH VÂN AM THI TẬP TỰ **VÀ TƯ TƯỞNG THI HỌC CỦA NGUYỄN BÌNH KHIÊM**

NGUYỄN THANH TÙNG*

Tóm tắt: Bài viết trình bày kết quả khảo đính, dịch thuật văn bản *Bạch Vân am thi tập tự* của Nguyễn Bình Khiêm. Bài viết cũng tiến hành đọc sâu và đọc liên văn bản bài tựa, từ đó bàn về tư tưởng thi học của ông. Bài viết chỉ ra ba quan niệm cơ bản trong tư tưởng thi học của Nguyễn Bình Khiêm được trình bày trong bài *Bạch Vân am thi tập tự* và các tư liệu hữu quan, bao gồm: thuyết “thi ngôn chí”, thuyết “cảm vật” và mục đích sáng tác thơ. Ba quan niệm này có liên quan chặt chẽ đến nhau và có tác động qua lại với thực tiễn sáng tác thơ của ông. Từ đó, bài viết cũng đưa ra gợi ý về cách tiếp cận sáng tác thơ của Nguyễn Bình Khiêm nói riêng và sáng tác thơ trung đại Việt Nam nói chung.

Từ khóa: *Bạch Vân am thi tập tự*, Nguyễn Bình Khiêm, văn bản, tư tưởng thi học, thơ trung đại Việt Nam.

PREFACE TO THE POETRY COLLECTION AT WHITE CLOUD HERMITAGE AND NGUYỄN BÌNH KHIÊM'S POETIC THOUGHT

Abstract: This paper presents the results of a critical textual collation and translation of Nguyễn Bình Khiêm's *Preface to The Poetry Collection at White Cloud Hermitage*. It also conducts a close, intertextual reading of the preface to examine his poetic thought. Three fundamental conceptions in Nguyễn Bình Khiêm's poetics, articulated in the *Preface to The Poetry Collection at White Cloud Hermitage* and related documents, are identified: the idea that “poetry expresses the heart's intent” (詩言志), the notion of “response to things” (感物), and the purpose of poetic composition. These conceptions are shown to be closely interconnected and to interact dynamically with Nguyễn Bình Khiêm's poetic practice. The paper proposes an approach for understanding the poetry of Nguyễn Bình Khiêm and other Vietnamese medieval poets.

Keywords: *Preface to The Poetry Collection at White Cloud Hermitage*, Nguyễn Bình Khiêm, text, poetic thought, Vietnamese medieval poetry.

Ngày nhận bài: 23.12.2025; ngày gửi phản biện: 23.12.2025;

ngày nhận bài sửa: 03.01.2026; ngày duyệt đăng: 06.01.2026.

1. Mở đầu

Nguyễn Bình Khiêm 阮秉謙 (1491-1585) không chỉ “là nhà thơ tiêu biểu nhất của văn học Việt Nam thế kỉ XVI”¹ mà còn là một nhà thơ lớn của Việt Nam thời trung đại. Một trong những điều làm nên vị thế ấy là sự chi phối, ảnh hưởng của tư tưởng thi học Nguyễn Bình Khiêm đến thực tiễn sáng tác thơ của ông và ngược lại. Khi tìm hiểu tư tưởng thi học Nguyễn

* PGS.TS. - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Email: nguyentunghnue@gmail.com

¹ Lê Nhân Thìn (Chủ biên), *Giáo trình văn học trung đại Việt Nam*, Tập 1 (Hà Nội: NXB Giáo dục, 2011), 182.

Bình Khiêm, bài *Bạch Vân am thi tập tự* 白雲庵詩集序 do chính ông viết là tư liệu hiếm hoi và quan trọng nhất. Tuy nhiên, từ vấn đề văn bản học cho đến cách đọc, diễn giải bài tựa này vẫn còn nhiều điểm chưa được đầy đủ, chính xác và triệt để. Từ thực tế ấy, bài viết này sẽ tiến hành khảo đính, hiệu điểm bài tựa, sau đó tiến hành phiên dịch lại văn bản, ngõ hầu cung hiến một bản dịch đầy đủ, hoàn chỉnh hơn. Trên cơ sở bản dịch đầy đủ, hoàn chỉnh đó, bài viết cũng tiến hành “đọc sâu”, đọc “liên văn bản” bài tựa trong mối liên hệ với các tư liệu hữu quan để có được hiểu biết đầy đủ, sâu sắc hơn về tư tưởng thi học và cao hơn là về di sản thơ ca Hán Nôm của Nguyễn Bình Khiêm.

2. Khảo đính và dịch chú văn bản *Bạch Vân am thi tập tự*

2.1. Sơ lược tình hình văn bản

Nguyên văn bài tựa được in hoặc chép trong một số văn bản, hiện chủ yếu được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Thư viện Quốc gia Việt Nam. Về các bản in, văn bản sớm nhất hiện tồn của bài tựa nằm trong sách *Bạch Vân am thi tập*, thuộc quyển 11 của bộ sách *Danh thi hợp tuyển* do Ân Quang hầu Trần Công Hiến (?-1816) sưu tầm, biên soạn (gồm các bản mang kí hiệu: R.2017, R.1718, A.2256) và khắc in ở Hải Học đường. Qua đối chiếu, ba văn bản vừa nêu có cùng nội dung, có lẽ được in từ cùng một ván in nên thực chất có thể coi là một phiên bản (bản khắc in). Bản này không ghi niên đại, nhưng căn cứ vào sinh thời của Trần Công Hiến thì có lẽ nó được khắc in trước năm 1816. Bài tựa này cũng nằm trong một số văn bản chép tay như *Bạch Vân am thi tập* (R.1917), *Bạch Vân am thi tập* (VHv.2081), *Bạch Vân am thi tập* (VHv.1794), *Bạch Vân am thi tập* (A.296/1), *Bạch Vân am thi tập* (VHv.1453), *Bạch Vân am thi tập* (VHb.264). Các bản chép tay không cho biết niên đại rõ ràng, có lẽ có niên đại muộn hơn bản in (có bản kiêng húy triều Tự Đức như bản A.296/1, nhưng cũng không chắc sách chép thời này hay về sau), nguồn gốc văn bản cũng phức tạp (có bản có phần chắc là bản chép lại bản in, như bản VHv.1453)¹. Việc bản in được tổ chức sưu tầm, khảo đính, khắc in một cách bài bản, công phu bởi những cá nhân tương đối có tên tuổi (Trần Công Hiến, Nguyễn Tập, Trần Huy Phác...), có niên đại rõ ràng và khá sớm khiến cho nó có ưu thế, ưu điểm lớn về độ tin cậy để được lựa chọn sử dụng. Trên thực tế, các bản dịch quốc ngữ cũng như các trích dẫn bài tựa *Bạch Vân am thi tập* đều sử dụng bản in này làm bản nguồn. Tuy nhiên, như tiểu mục tiếp theo của bài viết sẽ cho thấy, bản in không phải là toàn thiện, thậm chí nó còn mắc những sai lầm không nhỏ. Trong khi đó, các bản chép tay không phải không có những bản khá tốt, thậm chí có thể chính xác và đáng tin cậy hơn nếu trung thành với nguyên tác (nhưng điều này không dễ khẳng định). Bởi vậy, việc tham chiếu, hồi hồ các bản chép tay cũng rất cần thiết trong quá trình khảo đính văn bản.

2.2. Khảo đính văn bản

Sau đây là kết quả khảo đính nguyên văn bài tựa dựa trên việc đối chiếu 7 phiên bản nêu trên:

¹ Để biết thêm chi tiết về tình hình văn bản của các phiên bản *Bạch Vân am thi tập*, xin xem Phạm Văn Ánh, “Về văn bản tác phẩm của Nguyễn Bình Khiêm”, trong *Phòng Văn học Việt Nam Cổ - Trung đại* (Viện Văn học) và *Hội đồng Lịch sử Hải Phòng* (Biên soạn), *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm (Tổng tập)* (Hà Nội: NXB Văn học, 2014), 81-97.

白雲庵詩集前序[1]

夫志者心之所之之謂[2]，而詩所以[3]言志。有志於道德者[4]，有志於功名者[5]，有志於[6]閑逸[7]者。余幼承[8]庭[9]訓，長登仕版[10]，晚志閑逸[11]，以山水自娛，尤拙詩然[12]嗜[13]詩癩[14]癖未醫得[15]了。每[16]因暇頃托興[17]吟詠，或美[18]山水之勝，或侈[19]花竹之秀[20]，或即景而寓意，或即事而自述，各志其志。詩[21]凡二千[22]首，編輯[23]成書，以白雲集自名。老拙[24]遺誥，固不能辭。後之[25]君子幸恕[26]焉[27]。

Nguyên văn bài tựa chỉ có trên dưới 160 chữ Hán, nhưng qua đối chiếu 7 phiên bản (hay thường được gọi là các “dị bản”) nêu trên, chúng tôi thống kê được tới 27 trường hợp sai dị¹. Phần lớn các trường hợp sai dị chỉ là do chép sót (một vài chữ cho đến cả câu) hoặc sử dụng các từ hoặc chữ đồng nghĩa mà về cơ bản không ảnh hưởng nhiều đến ngữ nghĩa của văn bản. Đối với những trường hợp đó, việc xử lý khá dễ dàng, thuận lợi. Tuy nhiên, cũng có trường hợp sự sai dị, sai lạc lớn tạo nên những cách hiểu khác nhau, thậm chí đối lập nhau. Đối với những trường hợp này, việc xử lý khá phức tạp và đòi hỏi nhiều công phu. Ở đây, xin nêu và phân tích một vài trường hợp tiêu biểu sau:

[1] Tên gọi phổ biến của bài tựa hiện được biết đến là *Bạch Vân am thi tập tự* 白雲庵詩集序. Nhưng tên gọi này chỉ xuất hiện trong 2 dị bản (nhóm các bản khắc in và bản VHv.1453). Trong khi đó, có 4 dị bản (R.1917, VHb.264, VHv.1794, A.296/1) ghi là 白雲庵詩集前序 *Bạch Vân am thi tập tiền tự*, và 1 bản (VHv.2081) là 白雲庵先生狀元程國公詩集前序 *Bạch Vân am tiên sinh Trạng nguyên Trình Quốc công thi tập tiền tự*. Như vậy, cái tên *Bạch Vân am thi tập tiền tự* xuất hiện 5 lần/7 bản khảo sát. Việc có thêm chữ “前 tiền” cho thấy có thể còn có các bài tựa (chẳng hạn “hậu tự”) hoặc “bạt” khác viết cho *Bạch Vân am thi tập* (do Nguyễn Bình Khiêm hoặc người khác viết, vì vậy mới cần có chữ “tiền” để phân biệt) nhưng trong quá trình truyền bản, những bài tựa khác này có thể đã bị thất tán. Cũng vì chỉ còn duy nhất bài “tiền tự” nên chữ “tiền” bị cho là thừa và bị lược bỏ chẳng? Nếu đúng vậy, đây sẽ là gợi ý để chúng ta lưu ý tìm kiếm các bài tựa khác (nếu còn tồn tại) trong các thư tịch Hán Nôm, đăng bổ sung nhiều thông tin về tập thơ cũng như về tư tưởng thi học của Nguyễn Bình Khiêm và những người khác.

[2] Các bản in (R.2017, R.1718, A.2256) ghi là “夫心者志之所之之謂”. Dường như đây là một lỗi ghi sai khá nghiêm trọng bởi ý nghĩa về này khá không ôn: “Ồi, tâm là sự đi đến

¹ Cụ thể như sau: [1] R.1917, VHb.264, VHv.1794, A.296/1: 白雲庵詩集前序; VHv.2081: 白雲庵先生狀元程國公詩集前序. [2] R.2017, R.1718, A.2256: 夫心者志之所之之謂; R.1917, VHv.1794, A.296/1, VHb.264, VHv.1453 [có cước chú sửa thành: 夫志者心之所之之謂]; 夫心之所之之謂志; VHv.2081: 夫心之所之之謂志. [3] VHv.2081: 抉. [4] VHv.2081: 抉. [5] VHv.2081: 抉; A.296/1: 抉 有志於功名者. [6] VHv.1453: 抉. [7] R.1917, VHb.264: 閒遊; VHv.1794 抉 有志於閑逸者 (nhưng có cước chú bổ sung câu này). [8] R.1917, VHb.264: 叨; A.296/1: 聞. [9] VHv.2081: 前. [10] R.1917: 籍. [11] R.1917: 遊逸; VHb.264: 遊. [12] R.1917, VHb.264: 拙於詩以; VHv.2081, VHv.1794, A.296/1: 拙於詩然. [13] VHv.2081: 稽. [14] A.296/1: 固. [15] A.296/1: 淨. [16] VHv.1453: 嘗. [17] A.296/1: 欲閒托. [18] R.1917, VHb.264: 羨. [19] VHv.1453: 羨. [20] VHv.1453: 勝秀. [21] R.1917: 誌詩; VHv.2081, A.296/1, VHb.264: 志詩. [22] R.2017, R.1718, A.2256: 千. [23] R.1917, VHv.2081, VHv.1453, VHb.264: 集. [24] R.1917, VHb.264: 尤拙; VHv.2081, VHv.1794: 老拙; R.2017, R.1718, A.2256: 老生. [25] R.1917, VHv.2081, VHb.264: 抉. [26] VHv.2081: 抉. [27] A.296/1: 抉 老拙遺誥, 固不能辭. 後之君子幸恕焉.

của chí!”¹. Các bản chép tay ghi về này ôn hơn về nghĩa, như: “夫心之所之謂之志” (Ôi, sự hướng đích của tâm được gọi là chí - R.1917, VHv.1794, A.296/1, VHb.264) hoặc “夫心之所之之謂志” (Ôi, sự đi đến của tâm được gọi là chí - VHv.2081). Riêng bản VHv.1453, phần chính văn ghi: “夫心者志之所之之謂”, nhưng ai đó đã cố gắng rập xóa và chỉnh sửa lại thành “夫志者, 心之所之之謂” (Chí là sự hướng đích của tâm). Về nghĩa, phần sửa gần giống với các bản chép tay trên. Về chữ, theo chúng tôi, đó là cách chỉnh sửa chính xác. Mệnh đề trên của Nguyễn Bình Khiêm thực ra bắt nguồn từ *Luận ngữ tập chú* của Chu Hi (1130-1200). Về câu “子曰: 志於道” (Khổng Tử nói: Chí để ở đạo) trong thiên “Thuật nhi” của *Luận ngữ*, Chu Hi chú giải: “志者, 心之所之之謂” (Chí là nói về sự hướng đích của tâm). Trong sách *Chu Tử ngữ loại*, Chu Hi giải thích kĩ hơn: “心者, 一身之主宰; 意者, 心之所發; 情者, 心之所動; 志者, 心之所之, 比于情, 意尤重” (Tâm là chủ tể của cả một thân, ý là sự phát ra của tâm, tình là sự rung động của tâm, chí là sự hướng đích của tâm, so với tình và ý thì [chí] càng quan trọng - *Chu Tử ngữ loại*, quyển 5). Như vậy, Chu Hi phân biệt và đề cao “chí” so với “tình” và “ý”. Truy ngược về trước đó, Trịnh Huyền (127-200) đã giải thích: “辨志謂別其心意所趨向也” (Làm rõ “chí” tức là nói phân biệt xu hướng của tâm ý nọ) khi chú giải phần “Học kí” trong *Lễ kí*. Sách *Thích danh* của Lưu Hi thời Đông Hán (25-220) cũng cho biết chữ “士 sĩ” trong chữ “志 chí” thực chất là chữ “之 chí”² và do đó “chí” là sự kết hợp của “chí” và “tâm” và có nghĩa là sự đi đến của tâm. Như vậy, bản in đã nhầm, các bản chép tay đặc biệt là phần chỉnh sửa thêm ở bản VHv.1453 là chuẩn xác nhất.

[24] Bản R.1917 chép “尤拙 ựu chuyết” (càng vụng), VHv.2081 và VHv.1794 ghi “老拙 lão chuyết” (già vụng, ý khiêm tốn) thay vì “老生 lão sinh” (trương tự “lão nhân”, nghĩa là kẻ già hoặc là kẻ học trò già nếu dùng với nghĩa khiêm tốn) như các bản còn lại (đặc biệt là các bản in). Theo chúng tôi, có lẽ chữ “lão chuyết” là phù hợp hơn cả bởi đây là từ thường được dùng để tự xưng một cách khiêm tốn của người già. Nguyễn Bình Khiêm cũng hay tự gọi mình là “vụng”, “dại” trong thơ văn, tạo nên sự nhất quán trong tư tưởng và hành văn của ông.

2.3. Phiên âm, dịch nghĩa bài tựa

Phiên âm:

Bạch Vân am thi tập tiền tự

Phù chí giả tâm chí sở chí chi vị, nhi thi sở dĩ ngôn chí. Hữu chí ư đạo đức giả, hữu chí ư công danh giả, hữu chí ư nhàn dật giả. Dư ấu thừa đình huân, trưởng đẳng sĩ bản, văn chí nhàn dật, dĩ sơn thủy tự ngu, vưu chuyết thi, nhiên thị thi cố tích vị y đắc liễu. Mỗi nhân hạ khoảnh thác hưng ngâm vịnh, hoặc mĩ sơn thủy chi thắng, hoặc xỉ hoa trúc chi tú, hoặc tức cảnh nhi ngụ ý, hoặc tức sự nhi tự thuật, các chí kì chí. Thi phạm nhất thiên thủ, biên tập thành thư, dĩ Bạch Vân tập tự danh. Lão chuyết di tiếu, cố bất năng từ. Hậu chi quân tử hạnh thứ yên.

¹ Sai lầm này có thể đến từ ảnh hưởng của bài *Mao thi tự* 毛詩序 (trương truyền là của Tử Hạ 子夏 [507-400 TCN]), nhưng có lẽ thực chất là của người thời Hán), trong đó có câu: “詩者, 志之所之也” (Thơ là sự đi đến của chí). Nhưng trong câu của *Mao thi tự* thì “chỗ mà chí hướng đến” là “thi” chứ không phải “tâm”.

² Tất nhiên, còn có cách giải thích khác về từ nguyên của “chí”, như có ý kiến cho “chí” là “止 chí” (dừng lại) + “tâm”, nghĩa là dừng lại nơi tâm; có người cho “chí” là “藏 tàng” (cất giữ) + “tâm”... Cụ thể, xem Nguyễn Thanh Tùng, “Thi ngôn chí và truyền thống văn học nghệ thuật Đông Á”, Tạp chí *Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật*, số 6 (2016): 78-85.

Dịch nghĩa:

Bài tựa đầu Tập thơ Bạch Vân am

Ôi, chí là chỉ sự hướng đích của tâm, mà thơ lại dùng để nói chí. Có người chí để ở đạo đức, có người chí để ở công danh, có người chí để ở sự nhàn dật. Tôi thuở nhỏ nhận sự dạy dỗ của cha, trưởng thành vào quan trường, khi già chí để ở sự nhàn dật, tự vui thú với núi sông, dẫu vụng làm thơ, nhưng tật nghiện thơ lâu ngày vẫn chưa chữa khỏi. Mỗi dịp nhàn rỗi, lại gửi hứng vào ngâm vịnh, hoặc ca ngợi vẻ tươi đẹp của núi sông, hoặc phô khoe nét tú lệ của hoa trúc, hoặc tức cảnh mà ngụ ý, hoặc tức sự mà tự thuật, mỗi [bài] ghi lại một chí riêng. Thơ ấy gộp lại được một nghìn bài, biên tập thành sách, đặt tên là *Bạch Vân tập*. Lão vụng này để tiếng chê cười, cố nhiên chẳng thể chối bỏ. Các bậc quân tử về sau, xin được lượng thứ cho thì may lắm!

3. Tư tưởng thi học của Nguyễn Bình Khiêm qua *Bạch Vân am thi tập tự*

Theo chúng tôi, *Bạch Vân am thi tập tự* thể hiện ba vấn đề nổi bật trong tư tưởng thi học của Nguyễn Bình Khiêm, đó là thuyết “thi ngôn chí”, thuyết “cảm vật” và mục đích sáng tác thơ.

3.1. “Thi ngôn chí”

Bạch Vân am thi tập tự được thi triển xoay quanh mệnh đề “thi ngôn chí”: “Ôi, chí là chỉ sự hướng đích của tâm, mà thơ là dùng để nói chí... mỗi [bài] ghi lại một chí riêng”. Về mặt văn tự học lịch sử, theo một số nghiên cứu, “ngôn chí” là cách chiết tự chữ “詩 thi”: “thi” = “言 ngôn” + “志 chí” (Thậm chí, sơ khởi, “thi” = “chí”, chưa có bộ “ngôn”, phần nào cho thấy “ngôn” chưa được xem trọng). Trong đó, “ngôn” (lời) là hình thức của thơ, “chí” là nội dung của thơ. Về mặt thi học, “thi ngôn chí” biểu hiện bản chất và chức năng của thơ theo quan niệm thi học cổ trung đại ở Đông Á: thơ nói (về) “chí”; thơ dùng ngôn từ để nói (về) “chí”. Tâm điểm của mệnh đề này là chữ “chí”. “Chí” theo Nguyễn Bình Khiêm là “sự hướng đích của tâm” hay nói khác đi là “chí hướng” của tâm. Cách giải thích của Nguyễn Bình Khiêm tương đồng với quan điểm phổ biến ở Đông Á về “chí”, đặc biệt là trùng khớp hoàn toàn với chú giải của Chu Hi về “chí”, cho thấy ông chịu ảnh hưởng trực tiếp từ vị học giả Tống Nho này. Như vậy, nói về thơ, Nguyễn Bình Khiêm nhấn mạnh việc “ngôn chí”, “chí kì chí”. Tuy nhiên, trong bài *Hạ cảnh*, ông cũng nói đến “吟情 ngâm tình” (tình thơ): “無限吟情誰會得 Vô hạn ngâm tình thùy hội đắc” (Tình thơ vô hạn ai người lĩnh hội được?)¹. Phải chăng Nguyễn Bình Khiêm mâu thuẫn hay nước đôi? Thực ra không phải như vậy. Để hiểu rõ hơn việc này, có thể tham khảo một số luận giải về mối quan hệ giữa “chí” và “tình”. Chẳng hạn, trong phần “Chiêu Công nhị thập ngũ niên” ở *Xuân thu Tả truyện chính nghĩa*, Khổng Dĩnh Đạt (574-648) viết: “在己爲情，情動爲志，情志一也” (Trong bản thân là tình, tình động là chí, tình chí là một). Còn trong phần “Khúc lễ” ở *Lễ kí chính nghĩa*, ông viết: “六情遍睹，在心未見爲志” (sáu tình thấy khắp, ở trong tâm thì chưa hiện thành chí). Như vậy, theo Khổng Dĩnh Đạt, có thể hiểu hạt giống cảm xúc là “tình” ở trong “tâm”, chưa hiện ra, khi “tình” động (tức là khi “tâm” hướng đến đối tượng, bị rung động bởi đối tượng nào đó) thì đó là “chí”. Nói khác đi, “chí” tức là “tình” (tâm) động, “tình cảm” (cái “tình” cảm ứng với đối tượng). Và do đó, “tình” và “chí” thực chất là một, chỉ khác nhau ở trạng thái,

¹ Phòng Văn học Việt Nam Cổ - Trung đại (Viện Văn học) và Hội đồng Lịch sử Hải Phòng (Biên soạn), *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm (Tổng tập)*, 1107.

giai đoạn biểu hiện của “tâm”. Bởi vậy, trong các sách *Tả truyện, Lễ kí*, “lục chí” (bao gồm *hiếu, ó, hi, nô, ai, cụ, dục* hoặc *hiếu, ó, hi, nô, ai, lạc, cụ*) thường được chú thích là “lục tình”. Do đó, nói đến “chí” cũng là nói đến “tình”.

Tuy nhiên, thực chất, “chí” vẫn khác “tình” rõ nét. “Tình” trong “tâm” là tự nhiên, thiên thành; nhưng “tình” biểu hiện ra ngoài thế nào thì đã thành “chí” với tư cách là kết quả của sự tiếp xúc “tâm” (“tình”) - “vật” (“cảnh”), hoặc bị chi phối bởi “chí” với tư cách là thiên hướng, thị hiếu nhiều khi có tu dưỡng (ý muốn hướng đến đối tượng nào; ưa cái gì và không ưa cái gì) của chủ thể cả thân là “tâm”. Chẳng hạn, ở thời Hán xuất hiện quan niệm: “詩者發乎情止乎禮義; 發乎情, 民之性也; 止乎禮義, 先王之澤也” (Thơ khởi phát từ tình nhưng dừng lại ở lễ nghĩa; khởi phát từ tình, là bản tính của dân chúng; dừng lại ở lễ nghĩa, là ân trạch của tiên vương - *Mao thi tự*). “Dừng lại ở lễ nghĩa” chính là nói về “chí” (lưu ý cách giải thích chữ “志 chí” gồm “chí” [dừng lại] và “tâm”), tức “chí” hướng về lễ nghĩa, hay ý muốn khuôn thơ vào nội dung đạo đức, cương thường. Đến thời Lục Triều, Nho gia suy vi, để chống lại quan điểm của Nho gia, Lục Cơ (261-303) trong bài *Văn phú* đã nêu cao mệnh đề “詩, 情而綺靡” (thơ là do tình nên đẹp đẽ), ngầm khắc sâu khác biệt giữa “tình” và “chí”, và công khai nhấn mạnh “tình”, tức đề cao tình cảm tự nhiên, bỏ qua “chí”, đặc biệt là không nhắc gì đến lễ nghĩa cương thường mà lại đề cao vẻ đẹp diễm lệ, dường như duy mỹ. Lưu Hiệp (485-520) trong thiên “Minh thi” của *Văn tâm điều long* đã làm rõ thêm mối quan hệ “tình” và “chí” với vai trò quan trọng của yếu tố “vật”: “人稟七情, 應物斯感, 感物吟志, 莫非自然” (Người bẩm bảy tình, hưởng ứng vật mà có xúc cảm, xúc cảm với vật mà ngâm vịnh chí, không gì không tự nhiên). Như vậy, theo Lưu Hiệp, tình tiếp xúc với vật mà nảy sinh chí, qua đó cũng nhấn mạnh “tình” là gốc, cộng thêm yếu tố “vật” (dấu ấn của thuyết “vật cảm”, như sẽ được trình bày ở phần sau) dẫn đến kết quả là “chí”. Quan niệm này mang tính chiết trung hơn của Lục Cơ. Đến thời Đường, nhiều người lại chủ trương phân biệt “tình” và “tính 性” (“chí” gần với “tính”), như chủ trương “咏性不咏情” (vịnh tính không vịnh tình) của Bạch Cư Dị (772-846) trong bài *Chỉ Dịch Lạc Khẩu Dịch Hỉ Tiêu thị ngự thư chí kiêm đồ tâm thi ngâm phúng thông tiêu nhân kí bát vận* hay việc đồng nhất “tình” - “chí” của Khổng Dĩnh Đạt, như đã đề cập trên đây. Kế thừa quan niệm đó, sang thời Tống, các nhà Lí học lại đặt ra vấn đề phân biệt “tình” và “lí 理” (tính lí, thiên lí) và lôi kéo “chí” lại gần với “lí”¹. Vì vậy, họ nhấn mạnh “chí” thay vì “tình”, coi “chí” quan trọng hơn “tình” và “ý”, khẳng định “tâm” có “tà”, có “chính” (Chu Hi), thậm chí giải thích “chí” chính là “寺 ự” - phép tắc (Vương An Thạch)². Như ta biết, ảnh hưởng của Lí học đối với Nguyễn Bình Khiêm là điều đã được thừa nhận từ lâu. Trong tư tưởng thi học, chúng ta cũng thấy dấu ấn tư tưởng Lí học ở ông như ở việc dẫn lại chú giải của Chu Hi về chữ “chí” trong bài *Bạch Vân am thi tập tự* đã dẫn ở trên. Bình luận về thơ của Chu Đôn Di (1017-1078), Trình Hạo (1032-1085) và Trình Di (1033-1107), Nguyễn Bình Khiêm ca

¹ Tiêu Hoa Vinh 萧华荣, *Trung Quốc thi học tư tưởng sử* 中国诗学思想史 (Thượng Hải: Hoa Đông Sư phạm Đại học xuất bản xã 华东师范大学出版社, 1996), 12-14.

² Để biết thêm về vấn đề này, xin xem Nguyễn Thanh Tùng, “Thi ngôn chí và truyền thống văn học nghệ thuật Đông Á”, 78-85.

tụng: “Ông Chu, ông Trình ngâm vịnh, đạo tâm dồi dào” (*Xuân phong*)¹, trong đó, “đạo tâm” có thể hiểu là cái tâm “chí ư đạo” vậy. Do đó, tất yếu là Nguyễn Bình Khiêm nhấn mạnh “chí” (*Bạch Vân am thi tập tự*) hơn là “tình” dù có nhắc đến “ngâm tình” (*Hạ cảnh*), xem “thơ ngâm vịnh nhất nhất đều là tự nói chí [của mình]” (*Cảm hứng*)², đặc biệt là những cái chí thanh cao, lí tưởng, hướng thượng, có kiểm soát, có công phu tu dưỡng như “chí ở đạo đức”, “chí ở công danh” và nhất là “chí ở nhân dật”. Chính những “chí” thiên về lí tính, đạo đức đó sẽ quyết định ông sẽ “cảm vật” (tình cảm = chí) như thế nào và “ngâm tình” của ông sẽ là gì trong thực tế.

3.2. Thuyết “cảm vật”

“Thi ngôn chí” thực chất có liên quan mật thiết đến một quan niệm cũng phổ biến ở “vùng văn hóa Hán” (漢字文化圈) thời cổ trung đại là thuyết “cảm vật” (感物)³. “Vật” ở đây chính là “ngoại vật” (vật bên ngoài tâm). Ngoại vật tác động đến tâm (trong tâm chứa “tình”, khiến cho “tình” động, “ý” phát) mà nảy sinh thành “chí” (theo cách giải thích của Khổng Dĩnh Đạt, Chu Hi đã dẫn ở trên), dùng thơ để ngâm vịnh “chí” (“cảm vật ngâm chí”, theo cách giải thích của Lưu Hiệp đã dẫn ở trên). Hay nói ở một chiều khác, “tâm” (tình) hướng đến ngoại vật thông qua “chí” (với tư cách là chí hướng, hoài bão, thị hiếu, thiên hướng cảm xúc) khiến nảy sinh tình, tình cảm (vì vậy mà thuyết “cảm vật” còn được gọi là “cảm vật hưng tình 感物興情” - xúc cảm trước vật mà đẩy lên tình). Cũng vì điều này, “chí” vừa là danh từ (tình cảm hướng đến đối tượng, chí hướng), vừa được dùng như động từ (hướng đến, chí hướng vào [cái gì]). Đây cũng chính là logic quan niệm của Nguyễn Bình Khiêm trong bài *Bạch Vân am thi tập tự* khi ông viết: “Có người chí để ở đạo đức, có người chí để ở công danh, có người chí để ở sự nhân dật. Tôi thuở nhỏ nhận sự dạy dỗ của cha, trưởng thành vào quan trường, khi già chí để ở sự nhân dật, tự vui thú với núi sông (...) hoặc ca ngợi vẻ tươi đẹp của núi sông, hoặc phô khoe nét tú lệ của hoa trúc, hoặc tức cảnh mà ngụ ý, hoặc tức sự mà tự thuật, mỗi [bài] ghi lại một chí riêng”. Trong đoạn văn này, ta có thể liệt kê ra những biểu hiện cụ thể của “ngoại vật”, từ những phạm trù/ ý niệm chung, rộng (như công danh, đạo đức, sự nhân dật) đến những sự vật, hiện tượng cụ thể hơn (như cảnh [nào đó], sự [nào đó], núi sông, hoa trúc...). Những ngoại vật đó tác động vào tâm (tình) làm nảy sinh chí (tình cảm hướng đến đối tượng) và thơ ông ghi lại chúng với những biểu hiện cảm xúc hay động thái như tự vui, ca ngợi (vì yêu mến), tô điểm (vì say mê), ngụ ý (gửi gắm “cái phát ra từ tâm”), tự thuật (bộc lộ bản thân)... Chung quy lại, “cảm vật” chính là hiện tượng “tức cảnh mà ngụ ý”, “tức sự mà tự thuật” như Nguyễn Bình Khiêm đã tổng kết trong bài tựa.

Thế nào là “tức cảnh mà ngụ ý”? Hãy nhìn vào thực tế sáng tác của Nguyễn Bình Khiêm để có thể hiểu rõ hơn điều ông muốn nói. Ông có một bài mang nhan đề *Tức cảnh* mà cấu tứ của bài là trước cảnh xuân ngẫm nghĩ về kẻ sĩ, về đạo trung hiếu. Như vậy, tức cảnh là sự thu nhận tác động của cảnh vật bên ngoài vào trong tâm, nảy sinh những suy nghĩ, tình cảm. Ở một bài

¹ Phòng Văn học Việt Nam Cổ - Trung đại (Viện Văn học) và Hội đồng Lịch sử Hải Phòng (Biên soạn), *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm (Tổng tập)*, 1415.

² Như trên, 1372.

³ Về lai lịch và diễn biến của thuyết này trong mối quan hệ với “thi ngôn chí”, xin xem Nguyễn Thanh Tùng, “Thi ngôn chí và truyền thống văn học nghệ thuật Đông Á”, 78-85.

khác, ông nói đến việc “tâm và cảnh dung hòa cùng nhau, tự thấy thích hợp nên vui quên cả đời” (*Giang lâu thu nhật văn vọng*)¹. Còn “ngụ ý” (mà “ý” là “cái tâm phát ra” theo giải thích của Chu Hi hay rất gần với “chí” trong các thư tịch cổ)² tức là gửi gắm bên trong, gián tiếp qua cảnh. Chẳng hạn, Nguyễn Bình Khiêm có chùm thơ *Ngụ ý* (8 bài) mà ý tưởng xuyên suốt là từ cảnh thôn quê hoặc sông núi thanh tĩnh, gửi gắm triết lí nhân dật, lánh xa danh lợi vì nhận ra “cái mũ mào nhà nho từ xưa đã làm lụy người ta nhiều lắm”³. Rốt cuộc, nói về “cảnh” cũng là để nói về “ý” hay “tình” và “chí” mà đối với Nguyễn Bình Khiêm tiêu biểu và nhiều nhất chính là “chí để ở sự nhân dật”.

Thế nào là “tức sự mà tự thuật”? Nguyễn Bình Khiêm có một số bài có nhan đề chứa 2 chữ “tức sự” như *Xuân nhật tức sự* (từ thời tiết xuân ấm áp, trong lành ngấm về tuổi già của mình), *Trừ tịch tức sự* (từ không khí đêm giao thừa hồi tưởng tuổi trẻ xông pha, được hưởng ân trạch), *Doanh trung tức sự* (Niềm vui, niềm tin tưởng trước chiến thắng của quân triều đình trước quân giặc), *Tức sự* (Trước cảnh loạn lạc, chiến tranh tin về tương lai thái hòa)⁴... Qua đó, có thể thấy “tức sự” là tác động của sự kiện, sự việc nào đó đến nội tâm, làm bật ra những xúc cảm, suy nghĩ mà nhiều khi đã có sẵn trong tâm nhưng còn ở dạng tiềm năng, tiềm thức. Còn về “tự thuật”, Nguyễn Bình Khiêm có khá nhiều bài thơ lấy nhan đề từ 2 chữ này như: *Tự thuật* (4 bài), *Tự thuật* (2 bài), *Tự thuật* (5 bài), *Trừ tịch tự thuật*, *Tự thuật* (4 bài), *Tự thuật giản Công bộ Thị lang*, *Tự thuật* (2 bài), *Tự thuật* (2 bài). Các bài này đều có một công thức chung: tự bày tỏ quan niệm, thái độ của nhà thơ về hoàn cảnh (già, về trí sĩ, nghèo...), chí hướng của bản thân (thích nhân dật, tiên ưu hậu lạc hoặc ghét bạo lực đua tranh...) trong sự đối sánh với diễn biến thời cuộc (loạn lạc, bon chen, đồng tiền, dân khổ...). Như vậy, “tức sự mà tự thuật” vẫn là câu chuyện đi từ những sự vật, hiện tượng bên ngoài (thời tiết, thời sự, thế sự...) đến việc bộc lộ bản thân (từ hoàn cảnh, điều kiện đến tâm tư, thái độ, tình cảm...).

Nhưng dù “tức cảnh” hay “tức sự”, công thức chung vẫn là sự tác động của ngoại vật đến nội tâm làm nảy sinh tư tưởng, tình cảm của cá nhân tác giả và ông sẽ bộc lộ, ghi lại nó trong thơ (“thác hứng ngâm vịnh”). Đó chính là “cảm vật ngâm chí” như cách nói của Lưu Hiệp hay “cảm vật hưng tình” theo khái quát của các nhà lí luận thi học cổ. Hầu hết các bài thơ của Nguyễn Bình Khiêm ra đời dựa trên nguyên lí “cảm vật ngâm chí”, “cảm vật hưng tình” đó. Nhiều bài thơ của ông được đặt tên cho thấy sự “cảm vật ngâm chí”, “cảm vật hưng tình” như “cảm hoài”, “ngụ hứng”, “cảm hứng”, “khiến hứng”, “cảm tác”, “ngẫu thành”, “hữu cảm”, “thuật hoài”... Dường như không có tác giả nào đặt tên tác phẩm của mình có nhiều chữ “hứng” (đặc biệt là “ngụ hứng”, “cảm hứng”, “khiến hứng”) như Nguyễn Bình Khiêm. Ở nhiều chỗ trong sáng tác của mình, Nguyễn Bình Khiêm cũng đặc biệt nhấn mạnh đến “hứng”, “cảm hứng” (“hứng” và “hưng” cũng chỉ là một chữ 興) như: “Mỗi dịp nhân rồi, lại gửi hứng

¹ Phòng Văn học Việt Nam Cổ - Trung đại (Viện Văn học) và Hội đồng Lịch sử Hải Phòng (Biên soạn), *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm (Tổng tập)*, 151.

² Nguyễn Thanh Tùng, “Thi ngôn chí và truyền thống văn học nghệ thuật Đông Á”, 80.

³ Phòng Văn học Việt Nam Cổ - Trung đại (Viện Văn học) và Hội đồng Lịch sử Hải Phòng (Biên soạn), *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm (Tổng tập)*, 1402.

⁴ Như trên, 482, 485, 533, 629.

vào ngâm vịnh” (*Bạch Vân am thi tập tự*), “Cảnh có nước non nhàn được thú/ Hứng vì thơ rượu chữa qua ngày” (Thơ Nôm, bài 35), “Tạm mượn hứng để tỏ nỗi lòng” (*Ngụ hứng thập ngũ vận*), “Hứng thơ còn dạt dào hơn hứng thú uống rượu” (*Dữ hữu nhân cộng ngộ*); “Lại dắt khách thơ tìm hứng ngâm thơ” (*Khiển hứng, bài 2*)¹...

Tuy nhiên, như cách diễn đạt của Nguyễn Bình Khiêm thì có lẽ trong tương quan tâm (tình - chí) - vật (cảnh, sự...) thì tâm (chí) mới là yếu tố quyết định, vì tâm (chí) hướng đến đâu là do thị hiếu, học vấn, sự tu dưỡng (“cách vật, trí tri, chính tâm, thành ý...”). Chính việc tâm hướng đến đâu ấy mới quyết định việc nảy sinh cảm hứng (hứng) gì, cảm xúc (tình) gì, ý tưởng (ý) gì. “Vật” do vậy nhiều khi chỉ là cái cớ, là phương tiện. Đó là lí do vì sao Nguyễn Bình Khiêm có rất nhiều bài thơ vịnh vật, vịnh cảnh mà mục đích không phải nói về vật, về cảnh mà chúng chỉ là cái cớ để ông ngụ ý, ngôn chí, kí thác nỗi lòng mà không quan tâm lắm đến thực tại, đến “vật tự nó”. Điều đó cũng quyết định đến cả giọng điệu, thể cách thơ khá tập trung, chuyên biệt của ông. Trong bài *Ngôn chí thi tập tự tự*, Phùng Khắc Khoan (1528-1613) đã giải thích điều này như sau: “Nếu chí mà ở đạo đức thì tất là phát ra lời lẽ hồn hậu, chí mà ở sự nghiệp thì tất là nhà ra khí phách hào hùng, chí ở rừng suối gò hang thì thích giọng thơ liêu tích, chí ở gió mây trăng tuyết thì thích vẻ thơ thanh cao, chí ở nỗi uất ức thì làm ra thơ ưu tư, chí ở niềm cảm thương thì làm ra điệu thơ ai oán”². Lê Quý Đôn (1726-1784) trong bài *Toàn Việt thi lục lệ ngôn* cũng có lí giải khá gần gũi như thế: “Văn chương của mỗi nhà thơ đều có thể chế riêng biệt. Thơ về việc hậu cận nơi đài các thì ôn hòa, thuần hậu và đầy đặn; thơ về việc đi tuần thú chốn biên cương, thành quách thì lạnh lùng, hào tráng. Thơ miêu tả cảnh vật theo thời tiết thì quý ở sự trong sáng, đẹp đẽ; thơ miêu tả việc ẩn dật nơi rừng rú quý ở chỗ nhàn nhã, khoáng đạt. Thơ thể hiện ý chí thì nên trang trọng; thơ thăm viếng cổ xưa thì nên cảm khái; thơ trao tặng cho nhau thì nên mềm mại, quyến luyến. Ý thú đặt trước, từ điệu nối theo”³. Trên thực tế, giọng điệu và phong cách thơ ca của Nguyễn Bình Khiêm đã chứng minh tính đúng đắn của những luận giải này. Nó cũng cho thấy sự nhất quán giữa tư tưởng thi học (được tuyên ngôn một cách tự giác) và thực tiễn sáng tác thơ ca của Nguyễn Bình Khiêm.

3.3. Mục đích sáng tác thơ

Thực ra, với mệnh đề “thi là để nói chí”, Nguyễn Bình Khiêm cũng đã tuyên ngôn về mục đích sáng tác thơ ca: làm thơ để nói về chí/ tình/ ý. Từ mệnh đề đó, cũng có thể suy rộng ra mục đích chính của việc làm thơ với ông là chuyển tải nội dung, tư tưởng, tình cảm (hướng thượng) chứ không có mục đích “làm văn”, “làm nghệ thuật”. Ý này cũng được Nguyễn Bình Khiêm gửi gắm khi nói về hoàn cảnh sáng tác thơ của mình trong *Bạch Vân am thi tập tự*: “Mỗi dịp nhàn rỗi, lại gửi hứng vào ngâm vịnh”. Mở rộng ra các phát ngôn khác, ta thấy có sự nhất quán cao độ, như: “Nhân lúc nhàn thì gửi gắm ở thơ ngâm vịnh” (*Cảm hứng*); “Trong cảnh nhàn, ta hãy gửi lòng trong khúc ngâm cảnh nhàn” (*Ngẫu thành, bài 2*); “Trong cảnh

¹ Phòng Văn học Việt Nam Cổ - Trung đại (Viện Văn học) và Hội đồng Lịch sử Hải Phòng (Biên soạn), *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm (Tổng tập)*, 1497, 157, 399, 1408.

² Nguyễn Thanh Tùng, *Tuyển tập thi luận Việt Nam thời trung đại (thế kỉ X-XIX)* (Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm, 2015), 29.

³ Như trên, 49.

nhân, cỏ và hoa sẵn cho đề tài ngâm vịnh” (*Tân quán ngụ hứng, bài 55*)¹... Thực chất, đó là sự cụ thể hóa hay chịu ảnh hưởng từ quan niệm của Khổng Tử: “行有餘力，則以學文” (Làm việc mà còn dư sức thì mới học văn - “Học nhi”, *Luận ngữ*). Có lẽ ý của Nguyễn Bình Khiêm là ông không theo đuổi việc sáng tác văn chương, thơ ca; không lập thân bằng thơ ca nói riêng, văn chương nói chung - tương đồng với quan niệm “lập thân tối hạ thị văn chương” của Viên Mai (1716-1797)². Vì vậy, ông tự nhận mình “vụng làm thơ” (*Bạch Vân am thi tập tự*)³. Điều này cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến việc ông không coi trọng việc trau chuốt hình thức, ngôn từ; xem đó là việc rất phụ như: “Văn chương từ nay không cần phải khéo léo, trau chuốt” (*Tự thuật, bài 2*)⁴. Ông cũng rất ít phát biểu về hình thức của thơ. Bài *Bạch Vân am thi tập tự* là một ví dụ tiêu biểu khi ông không hề nói đến hình thức nghệ thuật, chỉ nói đến nội dung. Điều đó cho thấy dường như ông né tránh đề cập đến nó (dù thực tế cho thấy không phải Nguyễn Bình Khiêm không “đầu tư” cho vấn đề này). Vũ Khâm Lân (1703-1758) trong bài *Bạch Vân am cư sĩ Nguyễn công Văn Đạt phả kí* đã nhận xét khá tinh tế về thơ Nguyễn Bình Khiêm rằng: “Sự ưu thời mẫn thế thường phát ra thành thơ. Văn chương tiên sinh nảy ra từ tự nhiên, ứng khẩu liền thành, không vụ đẽo gọt, giản dị mà thông sảng, đạm bạc mà có vị, đều có liên quan đến sự giáo hoá thể nhân”⁵. Những phẩm chất như “tự nhiên”, “không vụ đẽo gọt”, “giản dị mà thông sảng”, “đạm bạc mà có vị” chính là kết quả của quan niệm thơ trên. Có lẽ cũng chính việc không quá coi trọng hình thức, ngôn từ như vậy đã mở đường cho Nguyễn Bình Khiêm mạnh dạn sử dụng tiếng Việt (chữ Nôm) để sáng tác. Do vậy, đọc thơ Nôm và thơ chữ Hán của Nguyễn Bình Khiêm, ta thấy khá thống nhất về tư tưởng, phong cách.

Tuy nhiên, điều đó lại cho thấy Nguyễn Bình Khiêm coi thơ ca là một sản phẩm của nghệ thuật sáng tạo, cần có điều kiện, tâm thế tự do tự tại (nhàn, rảnh, say mê đến mức “nghiện”, “cuồng”) và cảm hứng sáng tạo thôi thúc (“hứng”, “cảm hứng” do được/bị tiếp xúc với những đối tượng ưa thích [hoặc thù ghét], mà chủ yếu đối với ông là đạo đức, là nhân dật, là hoa cỏ, núi sông... - những điều, những vật ông chí thú thực sự [hoặc những thứ, những vật gây cho ông sự phản cảm, dị ứng mà ông thấy cần phải đả kích, phê phán - đây là cảm hứng trái ngược nhưng cũng rất đáng chú ý]; một số khác được dùng như phương tiện khoa cử, chính trị lại là một câu chuyện khác). Thơ (bên cạnh thiên nhiên) cũng là một thú tao nhã, thanh cao trong cuộc sống nhàn dật, mà điển hình (và cũng gần như là sớm nhất) cho trường hợp này là Đào Tiềm⁶. Cũng chính vì thế, thơ đối với ông cũng là một thứ khiến người ta say mê, thậm chí “nghiện”, như ông “ham thơ thành chứng nghiện chưa chữa được” (*Bạch Vân am thi tập tự*); làm “thơ cuồng”

¹ Phòng Văn học Việt Nam Cổ - Trung đại (Viện Văn học) và Hội đồng Lịch sử Hải Phòng (Biên soạn), *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm (Tổng tập)*, 1372, 380, 275.

² Điều này khác với việc thi cử (Nho học) để tiến thân. Thi cử Nho học thực chất là việc chuẩn bị, tập dượt và sát hạch cho con đường chính trị của của sĩ phu xưa.

³ Tất nhiên, cũng có thể tiếp nhận lời tự nhận này như là sự “khiêm tốn” mà bản chất là kiêu hãnh của ông. Đây là điều thường thấy trong cách diễn đạt của các nhà nho xưa.

⁴ Phòng Văn học Việt Nam Cổ - Trung đại (Viện Văn học) và Hội đồng Lịch sử Hải Phòng (Biên soạn), *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm (Tổng tập)*, 352.

⁵ Nguyễn Thanh Tùng, *Ôn quận công Vũ Khâm Lân: Cuộc đời, sự nghiệp và di văn* (Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm, 2023), 144.

⁶ Trần Nho Thìn, *Phương pháp tiếp cận văn hóa trong nghiên cứu và giảng dạy văn học* (Hà Nội: NXB Giáo dục, 2018), 139.

(*Khiến hứng*); “Tuổi già phát cuồng, đáng cười tôi nghiện thơ thành bệnh” (*Ki Nghi Xuyên hầu*); “Chỉ vì thơ đã thành nghiện/ Nào dám nói thơ tức là sử” (*Cảm hứng*)¹. Do đó, không lạ khi ông nhiều lần trải qua khoái cảm sáng tạo của người nghệ sĩ: “Làm thơ đạt đến chỗ tuyệt diệu, chiếm được thần thơ” (*Hữu bộ hạ tân huyện, bài 2*); “Lặng lẽ ngắm cũng đủ lĩnh hội được sự thần diệu của thơ” (*Hỉ tình, bài 1*); “Khi ngâm vịnh thành thơ, trong túi như có gấm” (*Tân quán ngụ hứng, bài 34*); “Phó mặc cho bậc lão bá ở chốn từ lâm/ Ném tiền thưởng để phẩm đề câu thơ đẹp” (*Thu sắc thi*)². Đây là một thái độ đầy mâu thuẫn (nhưng cũng khá biện chứng) đối với thơ: không coi thơ là quá quan trọng nhưng vẫn thích thú, say mê với nó (mà đối với nhà nho, có thể họ say mê vì nó hữu ích theo tinh thần công lợi chủ nghĩa). Đó là bởi làm thơ giúp tác giả “nói chí”, “tự thuật”, “ngụ ý”, “thác hứng” nhưng cũng để thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ, niềm vui sáng tạo nghệ thuật. Khi so sánh Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Trãi, có người đã nhận xét: “Nguyễn Bình Khiêm là một nhà đạo đức làm thơ; Nguyễn Trãi chính công là một tâm hồn thi sĩ”³. Nhận xét này dường như ngụ ý rằng Nguyễn Bình Khiêm không phải là một thi sĩ chính công. Thực ra, đó là cách đánh giá có phần thiên kiến. Trên thực tế, Nguyễn Bình Khiêm có rung động (tình, chí), cảm hứng (hứng) thực sự với những vấn đề đạo đức và không chỉ đạo đức mà còn là cái đẹp (của thiên nhiên, cây cỏ, nhân cách, lí tưởng...). Vì thế, thơ ông dù viết về đối tượng nào cũng có sự chân thành, tha thiết, say mê. Đó là điều khiến cho nhiều bài thơ của ông dù viết về những nội dung mang tính chính trị hay đạo lí vẫn có sức hút riêng bởi nó chân thành, phản ánh đúng và nhiệt tình cảm xúc, suy nghĩ của ông. Như thế chẳng phải là “tâm hồn thi sĩ” hay sao?

4. Kết luận

Bài *Bạch Vân am thi tập tự* mặc dù đã khá quen thuộc với độc giả và cũng khá ngắn nhưng vẫn còn một số vấn đề về văn bản, dịch thuật và thông điệp. Việc khảo đính, phiên dịch nguyên văn và đọc sâu văn bản bài tựa đã cho thấy điều đó. Đặc biệt, nó phản ánh nhiều quan niệm then chốt và sâu sắc trong tư tưởng thi học của Nguyễn Bình Khiêm. Tư tưởng đó khá nhất quán: dùng thơ ca để bày tỏ nội tâm, nhưng nội tâm này đã có thiên hướng khá rõ (hướng đến đạo đức, công danh, nhân dật), bởi vậy, những cảm xúc, cảm hứng trong thơ ông có liên quan chặt chẽ đến những đối tượng trên (và những “phản đối tượng” như những hiện tượng phi đạo đức, trái đạo, bon chen danh lợi, hiếu chiến... đi kèm với cảm xúc, thái độ, tư tưởng tương ứng). Nguyễn Bình Khiêm cũng tỏ ra không có ý đồ làm văn chương theo nghĩa nghệ thuật (ông đã tận dụng học vấn thi ca trong quá trình chinh phục khoa bảng, mà học vấn thi ca này khá bài bản, khuôn thước). Nhưng bản thân những hứng thú, lí tưởng rất chân thành, mãnh liệt và sự tối ưu của việc dùng thơ để bộc lộ chúng đã đưa Nguyễn Bình Khiêm đến với thơ, chọn thơ làm thể loại chính yếu để viết và trở thành một “thi gia”, như nhận định của Ngô Thì Nhậm (1746-1803) về Nguyễn Bình Khiêm trong bài *Tình tra kỉ hành tự*⁴ với “tâm hồn thi sĩ” thực thụ. Năm được điều này, có lẽ độc giả sẽ có được kim chỉ nam để đi vào “thế giới nghệ

¹ Phòng Văn học Việt Nam Cổ - Trung đại (Viện Văn học) và Hội đồng Lịch sử Hải Phòng (Biên soạn), *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm (Tổng tập)*, 1171, 658, 1172.

² Như trên, 725, 1185, 231, 1127.

³ Xuân Diệu, “*Quốc âm thi tập*, tác phẩm mở đầu nền thơ cổ điển Việt Nam”, trong *Nguyễn Trãi - Về tác gia và tác phẩm*, Nguyễn Hữu Sơn biên soạn (Hà Nội: NXB Giáo dục, 2003), 699.

⁴ Nguyễn Thanh Tùng, *Tuyển tập thi luận Việt Nam thời trung đại (thế kỉ X-XIX)*, 87.

thuật thơ” của Nguyễn Bình Khiêm và không chỉ của Nguyễn Bình Khiêm mà còn của nhiều nhà thơ trung đại Việt Nam khác, bởi họ chia sẻ gần như cùng một nền tảng thi học với không nhiều sai biệt lớn hay đổi mới qua hàng thế kỉ.

Tài liệu tham khảo

- Đình Gia Khánh (Chủ biên). *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm*. Hà Nội: NXB Văn học, 1983.
- Lã Nhâm Thìn (Chủ biên). *Giáo trình văn học trung đại Việt Nam*, Tập 1. Hà Nội: NXB Giáo dục, 2011.
- Nguyễn Bình Khiêm. *Bạch Vân am thi tập* 白雲庵詩集. Thư viện Quốc gia Việt Nam, kí hiệu: R.1718.
- Nguyễn Bình Khiêm. *Bạch Vân am thi tập* 白雲庵詩集. Thư viện Quốc gia Việt Nam, kí hiệu: R.1917.
- Nguyễn Bình Khiêm. *Bạch Vân am thi tập* 白雲庵詩集. Thư viện Quốc gia Việt Nam, kí hiệu: R.2017.
- Nguyễn Bình Khiêm. *Bạch Vân am thi tập* 白雲庵詩集. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu: A.2256.
- Nguyễn Bình Khiêm. *Bạch Vân am thi tập* 白雲庵詩集. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu: VHv.2081.
- Nguyễn Bình Khiêm. *Bạch Vân am thi tập* 白雲庵詩集. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu: VHv.1794.
- Nguyễn Bình Khiêm. *Bạch Vân am thi tập* 白雲庵詩集. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu: A.296/1.
- Nguyễn Bình Khiêm. *Bạch Vân am thi tập* 白雲庵詩集. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu: VHv.1453.
- Nguyễn Bình Khiêm. *Bạch Vân am thi tập* 白雲庵詩集. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu: VHb.264.
- Nguyễn Thanh Tùng. *Tuyển tập thi luận Việt Nam thời trung đại (thế kỉ X-XIX)*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm, 2015.
- Nguyễn Thanh Tùng. “Thi ngôn chí và truyền thống văn học nghệ thuật Đông Á”. Tạp chí *Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật*, số 6 (2016): 78-85.
- Nguyễn Thanh Tùng. *Ôn quận công Vũ Khâm Lân: Cuộc đời, sự nghiệp và di văn*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm, 2023.
- Phòng Văn học Việt Nam Cổ - Trung đại (Viện Văn học) và Hội đồng Lịch sử Hải Phòng (Biên soạn). *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm (Tổng tập)*. Hà Nội: NXB Văn học, 2014.
- Tiêu Hoa Vinh 萧华荣. *Trung Quốc thi học tư tưởng sử* 中国诗学思想史. Thượng Hải: Hoa Đông Sư phạm Đại học xuất bản xã 华东师范大学出版社, 1996.
- Trần Nho Thìn. *Phương pháp tiếp cận văn hóa trong nghiên cứu và giảng dạy văn học*. Hà Nội: NXB Giáo dục, 2018.
- Xuân Diệu. “Quốc âm thi tập, tác phẩm mở đầu nền thơ cổ điển Việt Nam.” Trong *Nguyễn Trãi - Về tác gia và tác phẩm*, Nguyễn Hữu Sơn biên soạn, 690-746. Hà Nội: NXB Giáo dục, 2003.